



**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp Số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty ("GCNĐKDN") đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 12 tháng 9 năm 2025. GCNĐKDN và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (từ ngày 23 tháng 4 năm 2026)
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên (đến ngày 23 tháng 4 năm 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc
Ông Johnathan Ooi Siew Loke	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 8 năm 2026)
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lee Chio Lim Larry	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lim Pei Chi Patsy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2026)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người Đại diện theo
Pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Tan Teck Chuan Lester	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường Chợ Lớn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Trưởng Ban Tổng Giám đốc

Lan Teck Chuan Lester

Tổng Giám đốc kiêm Người Đại diện theo Pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026



KPMG Limited Branch
No. 115 Nguyen Hue Street,
Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00424-26-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		20.527.908.632.357	19.661.227.058.533
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	1.697.763.368.191	2.542.670.575.381
Tiền	111		186.763.368.191	112.670.575.381
Các khoản tương đương tiền	112		1.511.000.000.000	2.430.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.109.367.764.466	14.551.809.542.777
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	10(a)	16.109.367.764.466	14.551.809.542.777
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.335.200.900.905	1.884.759.210.384
Phải thu của khách hàng	131	11	2.071.291.652.755	1.705.482.648.794
Trả trước cho người bán	132		84.784.274.180	2.436.430.769
Phải thu ngắn hạn khác	135	12(a)	467.012.636.995	464.727.793.846
Dự phòng phải thu khó đòi	136	13	(287.887.663.025)	(287.887.663.025)
Hàng tồn kho	140	14(a)	351.128.809.835	523.188.723.612
Hàng tồn kho	141		360.056.389.884	534.213.131.757
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(8.927.580.049)	(11.024.408.145)
Tài sản ngắn hạn khác	160		34.447.788.960	158.799.006.379
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	19(a)	34.415.241.700	112.030.655.895
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	44.149.975.424
Thuế phải thu Nhà nước	163	23(a)	32.547.260	2.618.375.060

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	30/6/2026	1/1/2026
	số	minh	VND	VND
				(Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		6.189.249.978.491	8.150.500.328.581
Các khoản phải thu dài hạn	210		342.153.654.854	342.169.654.854
Phải thu dài hạn khác	215	12(b)	342.153.654.854	342.169.654.854
Tài sản cố định	220		1.019.030.584.868	1.049.891.675.400
Tài sản cố định hữu hình	221	15	181.896.913.438	202.029.560.881
Nguyên giá	222		3.734.927.547.694	3.714.959.219.017
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.553.030.634.256)	(3.512.929.658.136)
Tài sản cố định vô hình	227	16	837.133.671.430	847.862.114.519
Nguyên giá	228		1.023.504.683.146	1.022.870.558.146
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(186.371.011.716)	(175.008.443.627)
Bất động sản đầu tư	240	17	75.927.347.800	82.248.659.902
Nguyên giá	241		164.687.750.248	164.461.661.253
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(88.760.402.448)	(82.213.001.351)
Tài sản dở dang dài hạn	250		92.565.091.514	85.590.847.054
Xây dựng cơ bản dở dang	252	18	92.565.091.514	85.590.847.054
Đầu tư tài chính dài hạn	260		4.493.356.311.176	6.366.859.706.491
Đầu tư vào công ty con	261	10(b)	4.137.285.817.355	4.137.285.817.355
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	262	10(b)	608.980.350.635	608.980.350.635
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(b)	419.858.124.916	419.858.124.916
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	264	10(b)	(672.767.981.730)	(738.591.161.758)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265		-	1.939.326.575.343
Tài sản dài hạn khác	270		166.216.988.279	223.739.784.880
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	19(b)	59.577.514.890	64.238.301.188
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	20	93.573.163.216	145.897.833.363
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	14(b)	13.066.310.173	13.603.650.329
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		26.717.158.610.848	27.811.727.387.114

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.800.748.552.977	9.372.011.824.124
Nợ ngắn hạn	310		9.717.382.323.809	9.287.495.315.572
Phải trả người bán	311	21	3.457.484.609.759	5.061.582.287.212
Người mua trả tiền trước	312		38.445.955.227	44.294.234.805
Phải trả cổ tức	313	22	3.855.994.500.300	2.573.297.646.300
Thuế phải nộp Nhà nước	314	23(b)	471.091.065.751	414.562.299.952
Phải trả người lao động	315		15.686.083.216	22.212.491.233
Chi phí phải trả	316	24	1.060.564.162.568	340.853.800.960
Doanh thu chờ phân bổ	319		9.999.998	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	25(a)	774.707.817.596	769.514.715.382
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	27	43.398.129.394	61.177.839.728
Nợ dài hạn	330		83.366.229.168	84.516.508.552
Phải trả dài hạn khác	338	25(b)	53.247.542.136	53.247.542.136
Dự phòng phải trả dài hạn	343	26	30.118.687.032	31.268.966.416
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28	16.916.410.057.871	18.439.715.562.990
Vốn cổ phần	411	29	12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.825.623.720.000	12.825.623.720.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	31	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.329.966.535.831	4.853.272.040.950
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		1.004.726.685.911	654.808.817.301
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ/năm	420b		2.325.239.849.920	4.198.463.223.649
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		26.717.158.610.848	27.811.727.387.114

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Johnathan Ooi Siew Loke
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc kiêm
Người Đại diện theo
Pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu	01	33	19.588.099.190.762	18.121.522.077.027
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	100.483.008.276	145.687.649
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	33	19.487.616.182.486	18.121.376.389.378
Giá vốn hàng bán	11	34	16.227.025.906.293	15.384.175.308.372
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.260.590.276.193	2.737.201.081.006
Doanh thu hoạt động tài chính	22	35	1.382.284.936.360	1.600.728.853.690
Chi phí tài chính	23	36	(65.284.479.626)	215.405.675.570
Chi phí bán hàng	25	37	1.713.995.750.010	1.562.350.893.251
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	243.966.724.085	258.442.087.031
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		2.750.197.218.084	2.301.731.278.844
Thu nhập khác	31		5.909.670.140	1.366.288.389
Chi phí khác	32		5.438.800.885	1.762.926.890
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		470.869.255	(396.638.501)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.750.668.087.339	2.301.334.640.343
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	335.906.199.016	205.852.210.888
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	40	52.324.670.147	41.727.841.478
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.362.437.218.176	2.053.754.587.977

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Johnathan Ooi Siev Loke
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc kiêm
Người Đại diện theo
Pháp luật





Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

8

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.750.668.087.339	2.301.334.640.343
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	58.010.945.306	59.879.502.612
Các khoản dự phòng	03	(67.559.954.961)	215.781.380.414
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.485.589.967)	45.366.107
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(1.374.266.049.194)	(1.598.210.623.883)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.364.367.438.523	978.830.265.593
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(402.421.563.989)	(446.527.960.024)
Biến động hàng tồn kho	10	174.382.156.403	226.518.476.102
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(853.957.116.979)	(456.131.451.324)
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	82.276.200.493	45.538.589.863
		364.647.114.451	348.227.920.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(320.962.530.937)	(152.659.931.858)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(46.777.356.296)	(43.962.284.103)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.092.772.782)	151.605.704.249
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(31.800.660.601)	(43.050.636.737)
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(2.790.000.000.000)	(3.009.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	3.431.000.000.000	5.210.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25	-	(14.880.324.020)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và phân phối lợi nhuận	27	1.113.579.100.525	1.446.477.978.523
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.722.778.439.924	3.589.547.017.766

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi trả cổ tức	36	(2.564.990.262.000)	(2.565.047.505.850)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	(2.564.990.262.000)	(2.565.047.505.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(845.304.594.858)	1.176.105.216.165
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	2.542.670.575.381	2.868.932.106.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	397.387.668	(36.541.951)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.697.763.368.191	4.045.000.781.210

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Johnathan Ooi Siew Loke
Phó Tổng Giám đốc



Tan Teck Chuan Lester
Tổng Giám đốc kiêm
Người Đại diện theo
Pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, hai nhà máy này hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp và 12 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sở hữu trực tiếp (1/1/2026: 26 công ty con sở hữu trực tiếp và 12 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sở hữu trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 10(b).



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp 4 công ty con và 4 công ty liên kết (1/1/2026: 4 công ty con và 4 công ty liên kết), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	30/6/2026		1/1/2026	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
1	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây						
	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Lô S, Khu Công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	86,32%	100%	86,32%	100%
2	Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Sabibeco”)						
	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh nước giải khát và dịch vụ nhà hàng	59,63%	100%	59,63%	100%
3	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Khu Công nghiệp Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	59,63%	100%	59,63%	100%
4	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	104 - 106 Trần Phú, Phường Hà Nam, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	59,63%	100%	59,63%	100%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

				30/6/2026		1/1/2026	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính				
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	50A, Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Phố Quang, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	17,26%	20,00%	17,26%	20,00%
4	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	30,96%	34,92%	30,96%	34,92%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có 689 nhân viên (1/1/2026: 693 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tổng Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(l)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ những chính sách kế toán được đề cập trong Thuyết minh 3.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, và (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, phải thu về cho vay và các khoản lãi phải thu tương ứng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu này được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác (Thuyết minh 4(d)).

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 4(c)(i), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 17 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	43 năm
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính riêng (Thuyết minh 4(l)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác.

(l) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại ngày mà quyền nhận cổ tức của cổ đông được xác lập và nghĩa vụ thanh toán của Tổng Công ty trở nên vô điều kiện.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(k), từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính riêng.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Doanh thu cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và sản phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và sản phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 33 và Thuyết minh 34 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng (a)	186.763.368.191	112.670.575.381
Các khoản tương đương tiền (b)	1.511.000.000.000	2.430.000.000.000
	1.697.763.368.191	2.542.670.575.381

(a) Chi tiết tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	63.445.961.174	28.140.992.642
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh	61.996.288.840	43.955.745.452
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)	50.858.445.297	16.160.429.088
Các ngân hàng khác	10.462.672.880	24.413.408.199
	186.763.368.191	112.670.575.381

(b) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2026: từ 4,75% đến 4,80% một năm).

Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	Thời gian	30/6/2026	1/1/2026
	đáo hạn gốc	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	2 - 3 tháng	1.261.000.000.000	1.400.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1 - 2 tháng	250.000.000.000	1.030.000.000.000
		1.511.000.000.000	2.430.000.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Thời gian đáo hạn còn lại	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
<i>Phải thu về cho vay (i)</i>			
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương, một công ty con	4 - 6 tháng	507.741.306.971	491.943.026.327
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (ii)</i>			
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1 - 3 tháng	6.531.000.000.000	2.981.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	4 - 6 tháng	4.630.000.000.000	450.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	7 - 9 tháng	3.486.000.000.000	5.650.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	10 - 12 tháng	360.000.000.000	4.630.000.000.000
Lãi phải thu		594.626.457.495	348.866.516.450
		16.109.367.764.466	14.551.809.542.777

- (i) Khoản cho một công ty con vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất từ 6,30% đến 7,00% một năm (1/1/2026: từ 6,30% đến 7,00% một năm). Tiền lãi của các khoản cho vay này được nhận vào ngày đáo hạn hoặc ngày trả nợ trước hạn (nếu có) của các hợp đồng cho vay tương ứng, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,75% đến 8,40% một năm (1/1/2026: từ 4,75% đến 7,00% một năm).

Không có dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn

	Giá gốc VND	30/6/2026 Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	1/1/2026 Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	4.137.285.817.355	(260.140.955.858)	3.877.144.861.497	4.137.285.817.355	(344.611.822.336)	3.792.673.995.019
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	608.980.350.635	(119.450.891.350)	489.529.459.285	608.980.350.635	(111.552.283.900)	497.428.066.735
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	419.858.124.916	(293.176.134.522)	126.681.990.394	419.858.124.916	(282.427.055.522)	137.431.069.394
	5.166.124.292.906	(672.767.981.730)	4.493.356.311.176	5.166.124.292.906	(738.591.161.758)	4.427.533.131.148

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2026				1/1/2026			
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	86,32%	391.071.741.550	685.020.595.350	-		86,32%	391.071.741.550	742.686.644.700	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	60.754.540.500	(175.412.859.500)		62,06%	236.167.400.000	68.730.974.500	(167.436.425.500)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	532.421.150.000	-		66,56%	299.548.230.160	572.733.850.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-		91,75%	208.414.271.535	(*)	(2.108.647.825)
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	26.509.501.350	-		51,24%	17.650.697.182	35.198.445.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	42.338.149.000	(33.986.719.844)		54,73%	76.324.868.844	35.671.629.000	(40.653.239.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	399.657.350.000	-		68,78%	314.250.000.000	313.616.350.000	(633.650.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	157.959.200.000	-		52,11%	93.800.000.000	162.930.600.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	100,00%	700.000.000.000	(*)	-		100,00%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90,00%	37.422.345.046	(*)	-		90,00%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-		95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,47%	83.141.000.000	(*)	-		94,47%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	(49.450.714.827)		91,24%	54.546.288.176	(*)	(43.530.614.003)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	30/6/2026				1/1/2026			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90,00%	36.541.448.653	(*)	-	90,00%	36.541.448.653	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90,00%	36.265.364.767	(*)	-	90,00%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90,00%	36.798.955.472	(*)	(728.957.038)	90,00%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	100,00%	59.365.663.690	(*)	-	100,00%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	(554.379.437)	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100,00%	120.000.000.000	(*)	-	100,00%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn	100,00%	60.000.000	(*)	(7.325.212)	100,00%	60.000.000	(*)	(8.802.379)
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	100,00%	40.000.000.000	(*)	-	100,00%	40.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	59,63%	969.386.013.985	1.022.816.932.800	-	59,63%	969.386.013.985	879.145.571.200	(90.240.442.785)
		<u>4.137.285.817.355</u>		<u>(260.140.955.858)</u>		<u>4.137.285.817.355</u>		<u>(344.611.822.336)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.137.285.817.355	3.153.019.479.350
Tăng trong kỳ	-	14.880.324.020
Tăng liên quan đến việc mua Sabibeco	-	842.956.776.494
Phân loại lại từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác liên quan đến việc mua Sabibeco (Thuyết minh 10(b)(iii))	-	126.429.237.491
Số dư cuối kỳ	4.137.285.817.355	4.137.285.817.355

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở doanh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2026				1/1/2026			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào các công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	35.916.112.500	-	27,03%	33.787.500.000	36.784.451.250	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	372.672.816.250	-	32,22%	103.174.711.495	383.251.915.550	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20,00%	30.000.000.000	(*)	-	20,00%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26,00%	26.000.000.000	(*)	-	26,00%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20,00%	20.000.000.000	(*)	-	20,00%	20.000.000.000	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở doanh nghiệp đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2026				1/1/2026			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát								
▪ Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	25,00%	43.111.007.200	(*)	-	25,00%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30,00%	113.224.326.586	(*)	-	30,00%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30,00%	86.338.395.824	(*)	-	30,00%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì Sơn Miguel Yamamura Phú Thọ	35,00%	26.212.239.000	(*)	-	35,00%	26.212.239.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45,00%	31.632.170.530	(*)	(23.950.891.350)	45,00%	31.632.170.530	(*)	(16.052.283.900)
		<u>608.980.350.635</u>		<u>(119.450.891.350)</u>		<u>608.980.350.635</u>		<u>(111.552.283.900)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (**)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	-	46.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	36.170.793.000	(15.304.347.000)	51.475.140.000	45.152.802.000	(6.322.338.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	7.111.860.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.486.710.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	17.922.930.000	(1.767.070.000)	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	<u>419.858.124.916</u>		<u>(293.176.134.522)</u>	<u>419.858.124.916</u>		<u>(282.427.055.522)</u>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Vào ngày 17 tháng 1 năm 2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DongA Bank”) đã được chuyển giao bắt buộc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	419.858.124.916	546.287.362.407
Phân loại lại thành khoản đầu tư vào các công ty con liên quan đến việc mua Sabibeco (Thuyết minh 10(b)(i))	-	(126.429.237.491)
Số dư cuối kỳ	419.858.124.916	419.858.124.916

(iv) Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	738.591.161.758	645.938.919.182
Dự phòng trích lập trong kỳ	33.827.557.749	225.263.768.825
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(99.650.737.777)	(12.657.310.322)
Số dư cuối kỳ	672.767.981.730	858.545.377.685

11. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.843.596.457.088	-	1.376.375.823.681	-
Các khách hàng khác	227.695.195.667	(10.656.929.482)	329.106.825.113	(10.656.929.482)
	2.071.291.652.755	(10.656.929.482)	1.705.482.648.794	(10.656.929.482)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Các công ty con</i>				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	1.843.596.457.088	-	1.376.375.823.681	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	12.041.885.674	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	11.005.279.683	-	18.582.713.731	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	10.513.330.367	-	32.811.054.041	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	9.979.490.865	-	81.324.390.202	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	7.666.694.498	-	4.252.726.098	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	6.921.600.974	-	12.725.416.233	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	6.767.672.039	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	5.938.443.299	-	13.586.017.928	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	3.146.664.145	-	4.786.513.551	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	3.143.322.913	-	439.066.095	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	509.446.206	-	232.989.113	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	301.994.518	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	294.539.435	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	260.721.230	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	245.060.740	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	191.547.205	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	106.525.595	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	93.737.894	-	6.006.808.089	-
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	74.304.222	-	8.378.640	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	-	-	105.807.967	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	-	-	18.153.720	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
<i>Các công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	73.722.851.173	-	75.507.029.723	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	29.955.690.164	-	50.220.626.899	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	19.988.919.539	(10.656.929.482)	19.988.919.539	(10.656.929.482)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	13.258.407.073	-	2.720.753.603	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	5.957.092.867	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.896.712.485	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	1.177.120.398	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	373.459.471	-	4.202.480.674	-

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết (Thuyết minh 13)	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu về cổ tức và phân phối lợi nhuận	182.136.000.509	177.011.218.342
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.279.712.327	6.949.315.071
Phải thu khác	4.366.190.616	3.536.526.890
	467.012.636.995	464.727.793.846

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	80.000.674.676	100.866.225.158
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	21.665.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	17.890.936.685	14.618.986.145
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	10.437.440.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	5.425.427.248	3.322.103.905
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	4.597.600.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	1.668.422.342	1.556.157.171
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	1.075.935.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	1.609.164	-
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	19.543.500.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	9.617.363.000	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.789.550.000	8.789.550.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.440.750.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	-	45.569.436.899
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	-	2.300.000.000

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh, một công ty con	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	14.080.152.636	14.096.152.636
	342.153.654.854	342.169.654.854

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2026		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	19.988.919.539	(10.656.929.482)	9.331.990.057
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 12(a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-
	297.219.653.082	(287.887.663.025)	9.331.990.057

	1/1/2026		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu của khách hàng	19.988.919.539	(10.656.929.482)	9.331.990.057
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 12(a))	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-
	297.219.653.082	(287.887.663.025)	9.331.990.057

14. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	90.593.519.470	-	79.179.536.541	-
Nguyên vật liệu	148.105.917.313	(539.034.004)	341.879.319.299	(636.081.135)
Công cụ và dụng cụ	17.854.391.005	(8.388.546.045)	23.044.130.139	(10.388.327.010)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.346.917.849	-	61.840.686.930	-
Sản phẩm	34.170.736.496	-	22.472.830.627	-
Hàng hóa	15.984.907.751	-	5.796.628.221	-
	360.056.389.884	(8.927.580.049)	534.213.131.757	(11.024.408.145)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc thù của hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy hoạt động, v.v.), nhằm đảm bảo việc xác định giá thành sản phẩm được phản ánh hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã xác định một số hàng tồn kho có dấu hiệu luân chuyển chậm và quyết định trích lập dự phòng đối với các mặt hàng tồn kho này theo các quy định hiện hành và chính sách nội bộ áp dụng của Tổng Công ty.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 8.928 triệu VND (1/1/2026: 11.024 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời và chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.024.408.145	12.391.605.273
Dự phòng trích lập trong kỳ	171.936.145	363.000.899
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(2.237.673.441)	(135.409.447)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(31.090.800)	(1.881.460.000)
Số dư cuối kỳ	8.927.580.049	10.737.736.725

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	50.481.789.217	(37.415.479.044)	50.738.294.547	(37.134.644.218)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	37.134.644.218	34.688.195.416
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.850.397.279	3.563.078.542
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.569.562.453)	(1.739.004.228)
Số dư cuối kỳ	37.415.479.044	36.512.269.730

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	540.796.053.980	2.981.821.654.234	55.038.941.105	137.302.569.698	3.714.959.219.017
Tăng trong kỳ	-	27.123.000	-	2.346.085.677	2.373.208.677
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	17.595.120.000	-	-	17.595.120.000
Số dư cuối kỳ	540.796.053.980	2.999.443.897.234	55.038.941.105	139.648.655.375	3.734.927.547.694
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	475.912.659.986	2.855.275.504.079	54.234.327.594	127.507.166.477	3.512.929.658.136
Khấu hao trong kỳ	4.833.235.152	33.086.877.991	111.944.190	2.068.918.787	40.100.976.120
Số dư cuối kỳ	480.745.895.138	2.888.362.382.070	54.346.271.784	129.576.085.264	3.553.030.634.256
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	64.883.393.994	126.546.150.155	804.613.511	9.795.403.221	202.029.560.881
Số dư cuối kỳ	60.050.158.842	111.081.515.164	692.669.321	10.072.570.111	181.896.913.438



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 2.886.127 triệu VND (1/1/2026: 2.642.070 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý là 122.610 triệu VND (1/1/2026: 106.073 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình mà Tổng Công ty cho các công ty con và các công ty liên kết thuê để hưởng thu nhập cho thuê là 25.868 triệu VND (1/1/2026: 25.868 triệu VND).

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang được sử dụng (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Hệ thống điều hòa không khí – Nhà máy bia		
Sài Gòn - Củ Chi	18.808.774.194	19.528.024.194
Các tài sản cố định hữu hình khác	163.088.139.244	182.501.536.687
	181.896.913.438	202.029.560.881

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	896.786.563.175	126.083.994.971	1.022.870.558.146
Tăng trong kỳ	-	634.125.000	634.125.000
Số dư cuối kỳ	896.786.563.175	126.718.119.971	1.023.504.683.146
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	73.088.858.238	101.919.585.389	175.008.443.627
Khấu hao trong kỳ	1.868.504.742	9.494.063.347	11.362.568.089
Số dư cuối kỳ	74.957.362.980	111.413.648.736	186.371.011.716
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	823.697.704.937	24.164.409.582	847.862.114.519
Số dư cuối kỳ	821.829.200.195	15.304.471.235	837.133.671.430

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 70.778 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 68.180 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008, lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước vào tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 25(a)).

Bộ Công thương và Bộ Tài chính của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng các khu đất này theo kế hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đã nộp hồ sơ cho các hợp đồng thuê đất hàng năm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, các khu đất này đang được sử dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty. Đây là quyền sử dụng đất hàng năm với những hạn chế về quyền sở hữu, và không được tự ý chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp hay xây dựng.

Chi tiết quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá trị tạm tính tăng thêm vào ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
2	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
3	46 Bến Vân Đồn, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng. Trong kỳ, Tổng Công ty cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuê đất với số tiền là 10.942 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 29.765 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chủ thuê địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

17. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	32.573.233.402	131.888.427.851	164.461.661.253
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	226.088.995	226.088.995
Số dư cuối kỳ	32.573.233.402	132.114.516.846	164.687.750.248
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	15.494.471.837	66.718.529.514	82.213.001.351
Khấu hao trong kỳ	376.737.390	6.170.663.707	6.547.401.097
Số dư cuối kỳ	15.871.209.227	72.889.193.221	88.760.402.448
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	17.078.761.565	65.169.898.337	82.248.659.902
Số dư cuối kỳ	16.702.024.175	59.225.323.625	75.927.347.800

Các bất động sản đầu tư cho thuê chủ yếu (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Sân bãi ngoài trời – Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	27.169.261.114	30.598.761.112
Mái che đường giao thông nội bộ – Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	13.613.347.784	14.975.236.112
Nhà chiết xuất lon bia – Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	7.760.532.026	8.058.152.432
Các bất động sản đầu tư cho thuê khác	27.384.206.876	28.616.510.246
	75.927.347.800	82.248.659.902

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	85.590.847.054	79.844.252.398
Tăng trong kỳ	24.795.453.455	41.534.253.422
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.595.120.000)	(23.596.070.745)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(226.088.995)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.958.681.408)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	(9.448.129.448)
Số dư cuối kỳ	92.565.091.514	85.375.624.219

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Dự án san lấp mặt bằng tại Nhà máy bia Sài Gòn - Cù Chi	43.296.363.636	43.296.363.636
Các công trình khác	49.268.727.878	42.294.483.418
	92.565.091.514	85.590.847.054

19. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	24.814.197.405	106.678.149.558
Chi phí khác	9.601.044.295	5.352.506.337
	34.415.241.700	112.030.655.895

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Quyền sử dụng đất chờ bàn giao (*) VND	Công cụ, dụng cụ và các tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	51.602.316.000	12.635.985.188	64.238.301.188
Phân bổ trong kỳ	-	(4.660.786.298)	(4.660.786.298)
Số dư cuối kỳ	51.602.316.000	7.975.198.890	59.577.514.890

(*) Giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao phản ánh tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 25(b)).

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	20%	59.893.303.774	58.388.552.284
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	22.279.861.728	75.746.084.712
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	9.268.611.818	9.631.810.471
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.131.385.896	2.131.385.896
		93.573.163.216	145.897.833.363

21. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	336.979.440.873	547.420.227.877
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	304.365.620.088	404.695.685.526
Các nhà cung cấp khác	2.816.139.548.798	4.109.466.373.809
	3.457.484.609.759	5.061.582.287.212

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	336.979.440.873	547.420.227.877
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	194.378.196.169	206.258.835.479
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	183.166.824.182	220.267.843.907
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	161.657.766.430	189.852.088.804
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	125.999.121.803	202.925.829.026
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	121.188.896.653	228.440.383.689
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	116.118.036.302	195.865.200.224
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	87.809.607.318	111.093.936.441
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	84.585.066.645	119.360.205.813
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	84.172.821.348	81.370.827.828
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	77.967.941.729	109.159.491.033
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	73.330.403.398	99.020.581.338
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	71.772.787.746	99.202.883.553
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	69.674.276.385	120.450.100.830
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	69.397.096.560	88.874.172.640
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	55.524.133.280	1.310.763.297
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	54.931.891.680	79.738.604.708
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	50.413.551.674	57.530.582.993
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	31.644.564.732	15.489.055.560
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	28.752.162.890	23.108.222.535
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	22.619.995.200	34.921.324.347
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	19.029.098.880	55.031.657.120
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	16.346.612.169	84.540.620.561
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	14.806.627.836	22.405.191.072
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	4.525.025.348	9.214.291.476
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	4.295.774.773	4.798.447.194
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	60.995.199	50.813.021

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	304.365.620.088	404.695.685.526
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	26.668.307.160	39.166.065.023
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	20.973.928.932	21.139.247.410
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	15.369.026.640	17.101.523.344
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	9.331.990.057	9.331.990.057
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	5.796.584.640	34.403.865.430
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	4.788.753.916	17.632.536.707
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	4.323.181.248	5.129.997.840
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	4.177.501.614	2.355.397.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	-	21.172.356.877
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	179.377.846.505	178.441.153.023
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	14.235.792.850	72.480.273.019
Sustainability Expo Co., Ltd	913.277.100	913.277.100
Dhospaak Co., Ltd	141.278.855	141.278.855
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	21.655.776	71.462.255

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả cổ tức

	Thời gian thanh toán	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt	Tháng 8 năm 2026	3.847.687.116.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt (*)	Tháng 2 năm 2026	10.916.600	2.565.124.744.000
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt (*)	Trước năm 2026	8.296.467.700	8.172.902.300
		3.855.994.500.300	2.573.297.646.300

Chi tiết phải trả cổ tức như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Vietnam Beverage, công ty mẹ	2.061.855.522.000	1.374.570.348.000
Khác	1.794.138.978.300	1.198.727.298.300
	3.855.994.500.300	2.573.297.646.300

- (*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, khoản phải trả cổ tức này phản ánh cổ tức chưa được nhận bởi các cổ đông thiểu số.

42-06
HÀNG
TỶ TỶ
MG
CHỈ

M.S.C.N.
THA

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

23. Thuế phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2026 VND	Cần trừ VND	30/6/2026 VND
Tiền thuê đất	2.618.375.060	(2.585.827.800)	32.547.260

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	241.271.671.370	1.311.768.147.542	(1.334.066.358.471)	-	218.973.460.441
Thuế thu nhập doanh nghiệp	167.264.541.261	335.906.199.016	(320.962.530.937)	-	182.208.209.340
Thuế giá trị gia tăng	-	2.326.120.199.999	(336.644.347.085)	(1.925.703.743.556)	63.772.109.358
Thuế thu nhập cá nhân	3.242.894.672	34.704.440.712	(34.619.521.617)	-	3.327.813.767
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.795	17.487.519.906	(14.901.692.108)	(2.585.827.800)	1.581.049.793
Các loại thuế khác	1.202.142.854	20.187.717.281	(20.161.437.083)	-	1.228.423.052
	414.562.299.952	4.046.174.224.456	(2.061.355.887.301)	(1.928.289.571.356)	471.091.065.751

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	996.408.053.907	305.581.663.169
Chi phí phải trả khác	64.156.108.661	35.272.137.791
	1.060.564.162.568	340.853.800.960

25. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Phải trả ngắn hạn khác	39.327.944.896	34.134.842.682
	774.707.817.596	769.514.715.382

- (*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa, do Ban Quyết toán cổ phần hóa, gồm các đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 16).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Các công ty mẹ cấp trung gian</i>		
Thai Beverage Public Company Limited	640.794.398	640.794.398
BeerCo Limited	11.060.625.116	7.774.489.718
<i>Các công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	350.916.554	350.916.554
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	287.780.949	287.780.949
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	12.932.851	12.932.851
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	2.457.204	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
Chang International Co., Ltd	783.891.435	1.683.187.327

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 19(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ dài hạn	1.645.226.136	1.645.226.136
	53.247.542.136	53.247.542.136

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	31.268.966.416	34.802.642.931
Dự phòng trích lập trong kỳ	48.127.537	1.123.256.145
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.198.406.921)	(1.556.851.228)
Số dư cuối kỳ	30.118.687.032	34.369.047.848

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	61.177.839.728	54.056.097.034
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 28)	26.941.000.002	22.386.880.482
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	858.239.039	4.753.414.608
Sử dụng trong kỳ	(45.578.949.375)	(42.405.432.875)
Số dư cuối kỳ	43.398.129.394	38.790.959.249

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	12.825.623.720.000	760.819.802.040	7.072.374.091.909	20.658.817.613.949
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.053.754.587.977	2.053.754.587.977
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	(3.847.687.116.000)	(3.847.687.116.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	(22.386.880.482)	(22.386.880.482)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	(4.753.414.608)	(4.753.414.608)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(10.021.742.538)	(10.021.742.538)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	12.825.623.720.000	760.819.802.040	5.241.279.526.258	18.827.723.048.298
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.209.525.881.706	2.209.525.881.706
Cổ tức	-	-	(2.565.124.744.000)	(2.565.124.744.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(22.386.880.479)	(22.386.880.479)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(10.021.742.535)	(10.021.742.535)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	12.825.623.720.000	760.819.802.040	4.853.272.040.950	18.439.715.562.990
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.362.437.218.176	2.362.437.218.176
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	(3.847.687.116.000)	(3.847.687.116.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	(26.941.000.002)	(26.941.000.002)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 27)	-	-	(858.239.039)	(858.239.039)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(10.256.368.254)	(10.256.368.254)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	12.825.623.720.000	760.819.802.040	3.329.966.535.831	16.916.410.057.871

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.282.562.372	12.825.623.720.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

30. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2026 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước là 3.847.687 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 3.847.687 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm trước).

31. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

32. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng một năm	26.988.392.825	54.047.180.713
Trong vòng hai đến năm năm	10.157.334.433	11.274.095.200
Sau năm năm	41.460.172.276	42.658.940.836
	78.605.899.534	107.980.216.749

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê gốc	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phí duy tu hạ tầng	1	43 năm	53.547.203.331	54.745.971.891
Thuê văn phòng	1	4 năm	18.250.572.386	42.362.642.473
Thuê khác		dưới 3 năm	6.808.123.817	10.871.602.385
			78.605.899.534	107.980.216.749

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026	1/1/2026
	Nguyên tệ Tương đương VND	Nguyên tệ Tương đương VND
USD	958.743 25.195.764.464	25.911 675.453.943
AUD	3.139 56.783.732	3.139 54.216.349
EUR	1.142 34.500.864	1.141 34.678.786
	25.287.049.060	764.349.078

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính riêng:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	9.612.562.262	30.855.187.875

33. Doanh thu

Tổng doanh thu bán hàng chủ yếu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND	VND
Tổng doanh thu			
▪ Doanh thu bán hàng hóa	13.490.256.702.320	12.551.745.746.598	
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.064.251.094.314	3.740.092.742.389	
▪ Doanh thu bán thành phẩm	1.979.176.516.041	1.775.111.299.356	
▪ Doanh thu khác	54.414.878.087	54.572.288.684	
	19.588.099.190.762	18.121.522.077.027	
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu			
▪ Chiết khấu thương mại	(26.748.428.426)	(145.687.649)	
▪ Hàng bán bị trả lại	(73.734.579.850)	-	
	(100.483.008.276)	(145.687.649)	
Doanh thu thuần	19.487.616.182.486	18.121.376.389.378	

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

34. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	10.985.171.595.777	10.480.921.864.948
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	4.064.993.568.441	3.738.240.370.722
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.155.736.730.044	1.145.634.122.905
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(1.784.902.470)	2.051.665.766
Giá vốn khác	22.908.914.501	17.327.284.031
	16.227.025.906.293	15.384.175.308.372

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	895.386.214.200	1.136.285.011.782
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	479.673.680.580	461.925.612.101
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.225.041.580	2.518.229.807
	1.382.284.936.360	1.600.728.853.690

36. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	(65.823.180.028)	212.606.458.503
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	538.700.402	2.799.217.067
	(65.284.479.626)	215.405.675.570

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.662.112.262.315	1.521.712.810.268
Chi phí nhân viên	35.166.222.093	31.350.465.474
Chi phí bán hàng khác	16.717.265.602	9.287.617.509
	1.713.995.750.010	1.562.350.893.251

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	126.382.673.565	122.321.032.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.724.898.111	67.600.218.822
Chi phí thuê	31.542.445.984	43.020.393.526
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.614.215.323	9.447.445.415
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.702.491.102	16.052.996.680
	243.966.724.085	258.442.087.031

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất, chi phí hàng hóa đã bán và chi phí dịch vụ đã cung cấp	16.059.910.930.290	15.205.507.242.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.843.854.698.352	1.716.764.466.451
Chi phí nhân công và nhân viên	204.915.586.224	196.346.300.318
Chi phí khấu hao và phân bổ	58.010.945.306	59.879.502.612
Chi phí khác	18.296.220.216	26.470.776.608

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	331.034.185.175	205.852.210.888
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.872.013.841	-
	335.906.199.016	205.852.210.888
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	52.324.670.147	41.727.841.478
	388.230.869.163	247.580.052.366

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.750.668.087.339	2.301.334.640.343
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	550.133.617.468	460.266.928.069
Thu nhập được miễn thuế	(179.077.242.840)	(227.257.002.356)
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.267.749.780	14.193.834.653
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.034.730.914	376.292.000
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.872.013.841	-
	388.230.869.163	247.580.052.366

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	13.651.683.268	12.323.089.956
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức công bố	2.061.855.522.000	2.061.855.522.000
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm		
(không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	15.190.307.217.808	14.238.253.343.052
Doanh thu khác	23.396.010.894	20.877.329.502
Hàng bán trả lại	73.734.579.850	-
Mua hàng hóa	9.324.906.080	7.590.189.960
Mua dịch vụ	9.264.291.300	8.992.227.600
Chi phí thuê, sử dụng bao bì	11.986.091.961	13.975.635.652
Chi phí vận chuyển	972.770.014	647.062.748
Lợi nhuận được chia	465.434.897.084	462.178.836.817
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	620.143.023.466	572.707.381.145
Mua hàng hóa	1.596.956.742.780	1.458.998.012.900
Thu nhập từ cổ tức	10.437.440.000	-
Giao dịch khác	268.101.255	515.502.667
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	602.053.357.213	564.073.621.036
Mua hàng hóa	1.547.451.822.360	1.522.999.268.500
Mua nguyên vật liệu	54.819.000	637.772.620
Thu nhập từ cổ tức	44.925.000.000	29.950.000.000
Giao dịch khác	221.034.042	108.188.990
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	327.126.554.653	303.532.442.488
Mua hàng hóa	828.126.869.440	830.799.460.600
Giao dịch khác	240.859.679	76.041.160

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	309.831.529.759	257.625.919.834
Mua hàng hóa	771.232.993.600	764.514.778.680
Thu nhập từ cổ tức	15.873.750.000	10.582.500.000
Giao dịch khác	106.106.043	175.119.478
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	304.104.685.867	270.422.348.428
Mua hàng hóa	952.212.000.840	817.440.384.370
Thu nhập từ cổ tức	21.665.000.000	21.665.000.000
Giao dịch khác	170.148.967	102.447.670
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận		
Bán nguyên vật liệu	296.955.484.070	264.553.018.799
Mua hàng hóa	766.101.392.680	675.316.914.500
Giao dịch khác	60.493.617	88.500.000
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	261.182.013.523	234.741.168.161
Doanh thu khác	777.057.894	777.057.894
Mua hàng hóa	709.001.022.960	651.200.846.600
Lợi nhuận được chia	29.206.428.210	16.310.280.499
Giao dịch khác	166.690.215	126.669.790
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý		
Bán nguyên vật liệu	198.528.316.402	205.340.032.506
Mua hàng hóa	617.358.141.010	615.913.002.200
Giao dịch khác	35.152.849	147.500.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	197.096.675.670	144.234.741.916
Mua hàng hóa	563.443.026.880	475.983.784.250
Thu nhập từ cổ tức	14.070.000.000	9.380.000.000
Giao dịch khác	123.262.048	305.578.065
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	116.390.392.951	85.112.852.516
Doanh thu khác	188.752.800	188.752.800
Mua hàng hóa	325.645.940.640	238.725.474.780
Thu nhập từ cổ tức	1.075.935.000	768.525.000
Giao dịch khác	23.869.640	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	98.604.202.604	62.674.016.283
Mua hàng hóa	281.089.219.240	208.429.877.290
Thu nhập từ cổ tức	4.597.600.000	4.022.900.000
Giao dịch khác	18.820.435	12.843.870
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	26.419.949.256	25.836.886.188
Mua hàng hóa	163.904.077.320	162.371.508.020
Thu nhập từ cổ tức	37.551.150.000	37.551.150.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Doanh thu khác	2.874.381.336	962.623.836
Mua hàng hóa	3.813.039.500	3.546.774.570
Hỗ trợ chi phí bán hàng	157.836.525.757	174.671.292.806
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.109.082.309	3.306.370.560
Giao dịch khác	1.304.582.084	876.780.888
Công ty TNHH Một Thành viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Doanh thu khác	1.849.212.170	2.059.841.495
Mua hàng hóa	497.884.410	4.343.740
Hỗ trợ chi phí bán hàng	229.066.057.570	194.625.710.541
Chi phí vật phẩm quảng cáo	9.720.000	127.159.200
Lợi nhuận được chia	93.450.004.513	89.848.317.458
Giao dịch khác	-	23.840.080
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Doanh thu khác	1.636.678.464	1.639.288.464
Mua hàng hóa	685.395.990	689.151.060
Hỗ trợ chi phí bán hàng	76.337.219.723	86.920.998.394
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.905.072.026	2.573.468.936
Thu nhập từ cổ tức	61.835.006.639	91.085.232.174
Giao dịch khác	1.930.718.918	443.842.770
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Doanh thu khác	1.540.551.462	1.527.051.462
Hỗ trợ chi phí bán hàng	78.060.711.472	82.767.109.751
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.753.205.600	3.340.531.416
Giao dịch khác	2.050.007.586	1.360.612.624

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Doanh thu khác	1.422.115.800	1.422.115.800
Mua hàng hóa	-	2.516.440
Hỗ trợ chi phí bán hàng	64.693.401.642	66.844.313.125
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.307.105.255	2.125.953.730
Giao dịch khác	361.482.947	122.874.900
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Doanh thu khác	1.399.474.842	1.399.474.842
Mua hàng hóa	-	419.554.480
Hỗ trợ chi phí bán hàng	122.898.639.670	118.347.061.186
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.118.537.540	3.433.107.728
Giao dịch khác	491.794.939	1.575.470.390
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Doanh thu khác	1.336.694.946	1.336.694.946
Hỗ trợ chi phí bán hàng	82.499.356.599	89.800.305.638
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.040.750.649	2.183.273.780
Giao dịch khác	1.149.837.215	331.949.490
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Doanh thu khác	1.277.385.312	1.277.385.312
Hỗ trợ chi phí bán hàng	28.933.955.235	38.973.920.611
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.680.819.196	2.237.897.026
Thu nhập từ cổ tức	4.561.535.754	11.991.079.012
Giao dịch khác	594.868.659	105.348.948
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Doanh thu khác	1.163.193.012	1.163.193.012
Mua hàng hóa	-	2.516.440
Hỗ trợ chi phí bán hàng	43.648.869.610	42.342.051.697
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.665.949.054	1.508.936.812
Giao dịch khác	890.484.357	257.685.969
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Doanh thu khác	1.044.802.938	1.044.802.938
Mua hàng hóa	3.309.200	5.825.640
Hỗ trợ chi phí bán hàng	67.171.408.474	63.709.478.840
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.982.638.156	2.775.865.896
Thu nhập từ cổ tức	37.906.047.860	51.936.895.104
Giao dịch khác	1.293.191.369	1.249.598.976

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	VND
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Doanh thu khác	926.265.828	1.089.435.543
Mua hàng hóa	27.982.500	13.594.870
Hỗ trợ chi phí bán hàng	60.585.070.013	71.503.323.127
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.563.987.835	2.438.956.026
Thu nhập từ cổ tức	-	60.566.763.100
Các giao dịch khác	1.124.455.279	185.149.615
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Doanh thu khác	10.000.002	10.000.002
Mua dịch vụ	-	380.218.894
Mua hàng hóa	733.118.568	714.927.313
Thu nhập từ tiền lãi	15.798.280.644	12.670.770.525
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	108.032.421.900	115.023.812.250
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	25.437.676.850	21.476.361.591
Mua công cụ và dụng cụ	6.440.306.323	6.983.942.635
Lợi nhuận được chia	1.651.823.900	(339.046.442)
Giao dịch khác	75.955.064	70.975.047
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	622.434.000	513.360.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây		
Giao dịch khác	-	59.000.000
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	189.201.777.517	194.091.982.039
Mua hàng hóa	412.795.007.460	463.579.364.100
Giao dịch khác	112.982.645	37.225.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	125.676.326.209	127.687.973.326
Mua hàng hóa	277.560.436.920	318.731.910.400
Thu nhập từ cổ tức	-	1.500.000.000
Giao dịch khác	75.089.254	53.613.000



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	118.292.343.386	132.771.967.195
Mua hàng hóa	320.751.750.990	330.812.697.400
Giao dịch khác	75.608.956	48.111.570
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	110.687.281.382	122.649.766.004
Mua hàng hóa	336.008.415.000	384.351.323.310
Thu nhập từ cổ tức	9.617.363.000	-
Giao dịch khác	52.850.676	167.829.960
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	72.372.746.830	62.608.340.832
Mua hàng hóa	212.061.480.000	201.986.548.000
Thu nhập từ cổ tức	3.378.750.000	3.378.750.000
Giao dịch khác	14.929.052	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	70.230.248.698	90.616.371.782
Mua hàng hóa	198.765.395.160	243.720.786.200
Thu nhập từ cổ tức	1.440.750.000	-
Giao dịch khác	58.736.966	40.815.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	19.272.788.314	18.629.678.646
Mua hàng hóa	99.351.370.910	103.617.604.770
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	1.259.664.050.100	488.561.588.744
Thu nhập từ cổ tức	-	233.719.329.060
Giao dịch khác	625.475.486	267.845.458
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	25.074.335.600	23.199.339.000
Thu nhập từ cổ tức	17.164.232.240	-
Giao dịch khác	23.144.271	-
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Mua dịch vụ	4.638.312.736	4.283.392.725
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Thu nhập từ cổ tức	19.543.500.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	675.852.753.465	941.334.354.428
Giao dịch khác	183.004.997	356.197.321
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	200.919.148.390	237.179.834.864
Giao dịch khác	48.318.180	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	460.548.034	1.868.503.432
Sustainability Expo Co., Ltd		
Mua dịch vụ	-	852.897.000
Chang International Co., Ltd		
Chi hệ Tổng Công ty	508.473.588	525.861.722
Thipchalothorn Co., Ltd		
Bán hàng hóa	135.072.000	34.087.500
Chi phí vật phẩm quảng cáo	8.615.808	6.804.000
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD		
Giao dịch khác	117.962.880	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha	462.000.000	448.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	630.000.000	616.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah	-	598.000.000
Bà Trần Kim Nga	624.000.000	574.000.000
Bà Ngô Minh Châu	588.000.000	574.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hương	204.000.000	-
Ông Lê Thanh Tuấn	510.000.000	682.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	19.124.882.465	18.086.871.996
Ủy ban Kiểm toán		
Thù lao	378.000.000	546.000.000

301-L
 NH
 NH
 G
 NHY

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	5.268.157.758	852.511.346

43. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99. Theo đó, một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (đã phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	14.551.809.542.777	13.711.000.000.000
Phải thu về cho vay		-	487.271.260.624
Phải thu ngắn hạn khác	135	464.727.793.846	820.592.651.342
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	265	1.939.326.575.343	1.937.000.000.000
Phải trả cổ tức	313	2.573.297.646.300	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	769.514.715.382	3.342.812.361.682

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:


 Nguyễn Văn Hòa
 Kế toán


 Trần Nguyên Trung
 Kế toán trưởng

Người quyết:



 Johnathan Ooi Siew Loke
 Phó Tổng Giám đốc


 Tan Teck Chuan Lester
 Tổng Giám đốc kiêm
 Người Đại diện theo
 Pháp luật